

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phùng Đình Bàn;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Văn B, sinh ngày 17/01/1980 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Tạ Thị L; vợ: Phạm Thị T (đã ly hôn); có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2017 cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1968; trú tại: Số 3, đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980; trú tại: Khu dân cư Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 12/8/2017, Trần Văn B đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái Lan T do anh Nguyễn Trọng T ở số nhà 03, đường Trần Quốc Tuấn, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên làm chủ đặt vấn đề thuê xe để đi lại cá nhân. Sau khi kiểm tra giấy tờ cá nhân của B, anh T đồng ý cho B thuê xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Captiva, màu đen, BKS 19N – 3385. Hai bên lập hợp đồng thuê xe, thời hạn thuê từ 15 giờ ngày 12/8/2017 đến 18 giờ ngày 17/8/2017, giá thuê xe là 1.000.000đ/ca (ngày), B đưa cho anh T 01 sổ hộ khẩu đứng tên Trần Văn B và 14.000.000đ để đặt cọc thuê xe còn anh T giao cho B xe ô tô BKS 19N – 3385 và giấy tờ xe gồm: Sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, bản phô tô đăng ký xe ô tô có xác nhận của ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ, đứng tên Công ty Cổ phần thương mại và ô tô Hàn Việt, địa chỉ phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, điều của xe ô tô BKS 19N – 3385. Đến ngày 19/8/2017, do không có tiền tiêu xài nên B nảy sinh ý định đem cầm cố chiếc xe ô tô BKS 19N – 3385 lấy tiền tiêu xài cá nhân, B điều khiển xe ô tô BKS 19N – 3385 đến gặp anh Đặng Quốc T, ở thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái đặt vấn đề cầm cố chiếc xe ô tô trên để vay tiền. B nói với anh T chiếc xe ô tô trên là của B do cần tiền nên muốn cầm cố để vay của anh T số tiền 130.000.000đ, B đưa cho anh T xem giấy tờ xe gồm: sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, bản phô tô đăng ký xe ô tô, điều của xe ô tô BKS 19N – 3385 và bản phô tô chứng minh nhân dân của B, anh Tuấn yêu cầu B xuất trình bản gốc đăng ký xe ô tô thì B bảo sẽ đưa sau. Do tin tưởng B nên anh T đồng ý cho B cầm cố xe ô tô BKS 19N – 3385 để vay số tiền 130.000.000đ, anh T yêu cầu B viết hợp đồng vay tiền, cầm đồ với nội dung anh T cho B vay 130.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 19/8/2017 đến ngày 21/8/2017, lãi suất 02%/tháng, tài sản thế chấp là xe ô tô BKS 19N – 3385. Sau đó, B giao xe ô tô BKS 19N – 3385 cùng giấy tờ xe cho anh T còn anh T đưa cho B số tiền 130.000.000đ. Sau khi nhận số tiền trên B đã tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng trả lại xe ô tô cho anh T. Ngày 22/8/2017, anh Nguyễn Trọng T đã gửi đơn đến Công an thành phố Vĩnh Yên trình báo về việc bị Trần Văn B chiếm đoạt

chiếc xe ô tô BKS 19N – 3385. Ngày 13/11/2017, Trần Văn B đến Công an thành phố Vĩnh Yên đầu thú.

Ngày 07/9/2017, Công an thành phố Vĩnh Yên đã tạm giữ của anh Đặng Quốc T 01 chiếc xe ô tô BKS 19N – 3385, bản phô tô đăng ký xe ô tô đứng tên Công ty Cổ phần thương mại và ô tô Hàn Việt, sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều của xe ô tô BKS 19N – 3385, 01 hợp đồng cho vay tiền, cầm cố đề ngày 19/8/2017 và 01 bản phô tô chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn B.

Tại Kết luận định giá số 159/KL-HĐĐG ngày 19/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận: Trị giá của xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet 7 chỗ ngồi, màu đen, BKS 19N - 3385 là 300.000.000đ.

Ngày 13/9/2017, anh Nguyễn Trọng T giao nộp cho Công an thành phố Vĩnh Yên: 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái, 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ là Trần Văn B, bản phô tô: hợp đồng mua bán xe ô tô, đăng ký xe ô tô BKS 19N – 3385, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô BKS 19N – 3385 (bản công chứng).

Ngày 06/11/2017, Công an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại anh T chiếc xe ô tô BKS 19N – 3385 cùng giấy tờ xe gồm: 01 sổ đăng kiểm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, 01 bản phô tô đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ. Anh Nguyễn Trọng T đã nhận lại xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự

Về bồi thường dân sự: Ngày 08/01/2018, chị Phạm Thị T (là vợ đã ly hôn của B) đã trả cho anh Nguyễn Trọng T số tiền 20.000.000đ là tiền B thuê xe; ngày 28/12/2017, trả cho anh Đặng Quốc T số tiền 130.000.000đ là tiền B đã cầm cố xe ô tô BKS 19N - 3385. Anh Nguyễn Trọng T, anh Đặng Quốc T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho B. Đến nay, chị T không yêu cầu B phải trả lại chị số tiền đã bồi thường cho anh Nguyễn Trọng T và anh Đặng Quốc T.

Tại Cáo trạng số: 40/CT-VKSNDTPVY ngày 26/03/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố Trần Văn B về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Trần Văn B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại anh Nguyễn Trọng T 01 xe ô tô BKS 19N - 3385 và 01 sổ đăng kiểm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, 01 bản phô tô đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ, đều của xe ô tô BKS 19N – 3385 là hợp pháp.

- Xác nhận chị Phạm Thị T đã trả cho anh Nguyễn Trọng T số tiền 20.000.000đ, trả cho anh Đặng Quốc T số tiền 130.000.000đ là hợp pháp.

Bị cáo Trần Văn B không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn B tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 12/8/2017, tại phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Văn B thuê của anh Nguyễn Trọng T 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Captiva, màu đen, BKS 19N – 3385 để đi lại cá nhân. Thời gian thuê đến ngày 17/8/2017 trả xe. Đến ngày 19/8/2017, do cần tiền tiêu xài, B đã

cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Đặng Quốc T lấy số tiền 130.000.000đ, số tiền trên B đã tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng trả lại xe ô tô cho anh T. Trị giá xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Captiva, màu đen, BKS 19N – 3385 là 300.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo B đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

Tuy nhiên, theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, thì hành vi thuê xe ô tô có giá trị 300.000.000đ bằng hình thức hợp đồng, sau đó sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản của bị cáo Trần Văn B đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm. Như vậy, mặc dù điểm, khoản của điều luật quy định là như nhau, nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì khung hình phạt có áp dụng hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm có phần nhẹ nên được áp dụng để có lợi cho người phạm tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính mà đã lạm dụng lòng tin của người bị hại để thuê xe ô tô sau đó sử dụng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không trả được tài sản.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương sẽ không có tác dụng giáo dục. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo

phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tác động gia đình tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại, để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với đất nước được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, bằng khen; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú tại cơ quan Công an. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử dưới khung hình phạt mà điều luật quy định cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là cơ hội để bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đối với anh Đặng Quốc T là người nhận cầm cố xe ô tô BKS 19N – 3385 để cho B vay 130.000.000đ, quá trình điều tra xác định, khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên, thấy xe đầy đủ giấy tờ và do tin tưởng B nên anh Tuấn đồng ý nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên cho B vay tiền, anh Tuấn không biết chiếc xe ô tô trên do B phạm tội mà có. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 ; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2017.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại địa phương nơi thường trú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng

